CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ KIỂM NGHIỆM FAO
FAO CERTIFICATION AND TESTING JOINT STOCK COMPANY
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM FAO HÀ NỘI/ FAO HA NOI TESTING CENTER

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số /No.: 251125.26.01

Tên khách hàng/ *Client's name* : **CÔNG TY TNHH THẨM AN**

Địa chỉ/ *Address* : Thôn Cây Da, xã Sơn Tiến, tỉnh Hà Tĩnh

Thông tin mẫu/ *Name of sample* : Dầu Vừng Thẩm An

Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu chứa trong chai nhựa, đậy kín nắp

Ngày nhận mẫu/ *Date of sample receipt* : 25/11/2025

Ngày phân tích/ *Date of analysis commencement* : 25/11/2025

Ngày trả kết quả/ *Date of Issue* : 13/12/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ *TEST RESULTS*

STT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/ *Unit*	Kết quả/ *Result*	LOD	Phương pháp/ *Method*
1.	Total aerobic microorganisms/ Tổng số vi sinh vật hiếu khí (30°C)	CFU/g	9.5×10^1	-	ISO 4833-1:2013 (1)
2.	Escherichia coli	CFU/g	<10	-	ISO 16649-2:2001 (1)
3.	Coliforms	CFU/g	<10	-	ISO 4832:2006 (1)
4.	Salmonella spp.	/25g	KPH	-	ISO 6579-1:2017 (1)
5.	Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (Staphylococcus aureus và các loài khác)	CFU/g	<10	-	ISO 6888-1:1999/ Amd1:2003 (1)
6.	Enumeration of yeasts and moulds/ Định lượng nấm men và nấm mốc	CFU/g	<10	-	ISO 21527-1:2008 (1)
7.	Lead/ Chì (Pb)	mg/kg	KPH	0.025	CFT-WI03-62 (**)(2)
8.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	0.025	CFT-WI03-62 (**)(2)
9.	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	0.3	CFT-WI05-01 (**)(2)
10.	Total Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)/ Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH	1.2	CFT-WI05-01 (**)(2)
11.	Ochratoxin A	µg/kg	KPH	1.0	CFT-WI05-06 (**)(2)
12.	Pesticide residue/ *Dư lượng thuốc BVTV GC-MS/MS*	mg/kg	KPH	0.003	CFT-WI05-82 (**)(2)
13.	Carbamate pesticides/ *BVTV nhóm Carbamate*	mg/kg	KPH	0.003	CFT-WI05-83 (**)(2)

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)
Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thận Duật, P. Mai Dịch, Q. Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
VP1/ Rep. Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, số 1295B Nguyễn Thị Định, P. Cát Lái, Q2, TP. HCM, Việt Nam
VP2/ Rep. Office 2: Số 1 Ngô Quyền, P. Đằng Hải 1, Q. Hải An, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9393 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 457/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: Dầu lạc Thẩm An
2. Mã số mẫu: 122211648/DV.5
3. Mô tả mẫu: Mẫu lỏng 500 mL, đóng trong chai nhựa dung tích 900 mL/chai. Số lượng: 1. Số lô: 57. NSX: 14/12/2022 - HSD: 12 tháng.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 27/12/2022
7. Thời gian thử nghiệm: 27/12/2022 - 06/01/2023
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH THẨM AN
   Địa chỉ: Tại nhà ông Nguyễn Viết An, Thôn Cây Da, Xã An Hòa Thịnh, Huyện Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Vitamin A (Retinol)	µg/100g	NIFC.02.M.21 (LC-MS/MS)	3.08

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2023

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Lê Thị Phương Thảo

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm Nghiệm ATVSTPQG/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request
4. (*): Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is